

Số: 01/2008/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2008

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định
về quyền sở hữu công nghiệp***

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định về quyền sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là “giám định sở hữu công nghiệp”) như sau:

I. ĐIỀU KIỆN VÀ HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1. Các chuyên ngành giám định sở hữu công nghiệp

Lĩnh vực giám định sở hữu công nghiệp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP bao gồm các chuyên ngành sau đây:

- a) Giám định sáng chế và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn;
- b) Giám định kiểu dáng công nghiệp;
- c) Giám định nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý;
- d) Giám định các quyền sở hữu công nghiệp khác.

2. Điều kiện cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

Các điều kiện để được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là “Thẻ giám định viên”) quy định tại khoản 3 Điều 44 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP được hiểu như sau:

- a) Điều kiện có trình độ đại học về lĩnh vực giám định được hiểu là có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành kỹ thuật, các ngành khoa học vật lý, hoá học hoặc sinh học đối với chuyên ngành giám định sáng chế và thiết kế

bổ trí mạch tích hợp bán dẫn; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học thuộc bất kỳ ngành nào đối với các chuyên ngành giám định khác.

b) Điều kiện về phẩm chất đạo đức được hiểu là chưa bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích.

c) Điều kiện về trình độ nghiệp vụ sở hữu công nghiệp được hiểu là được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiệp vụ làm giám định viên sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 6 Mục II của Thông tư này.

3. Điều kiện hoạt động đối với tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

Các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp được hoạt động giám định sở hữu công nghiệp khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP, trong đó “Giấy phép đăng ký kinh doanh, hành nghề giám định theo pháp luật hiện hành” là Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp được cấp theo thủ tục quy định tại khoản 3 Mục IV của Thông tư này (sau đây gọi là “Giấy chứng nhận tổ chức giám định”).

4. Hình thức hoạt động giám định sở hữu công nghiệp

Cá nhân được cấp Thẻ giám định viên chỉ được lựa chọn một trong hai hình thức hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP. Trường hợp cá nhân chọn hình thức hoạt động dưới danh nghĩa của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thì giám định viên phải được ghi nhận vào Danh sách giám định viên thuộc tổ chức theo thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định và hình thức hoạt động đó được ghi nhận vào Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 6 Mục III của Thông tư này.

II. KIỂM TRA NGHIỆP VỤ GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1. Nội dung kiểm tra và đối tượng được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp

a) Nội dung kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại điểm d khoản 3 Điều 44 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP bao gồm môn pháp luật sở hữu công nghiệp và các môn chuyên ngành giám định.

b) Môn pháp luật sở hữu công nghiệp là nội dung kiểm tra bắt buộc đối với tất cả các chuyên ngành giám định.

Người đã có ít nhất 15 năm liên tục làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp, giám định sở hữu công nghiệp, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thanh tra về sở hữu công nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp, nghiên cứu, giảng dạy pháp luật về sở hữu công nghiệp tại tổ chức nghiên cứu, đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp thì được miễn kiểm tra môn pháp luật sở hữu công nghiệp.

c) Các môn chuyên ngành giám định gồm giám định sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích) và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giám định kiểu dáng công nghiệp, giám định nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hoá) và giám định các quyền sở hữu công nghiệp khác là nội dung kiểm tra đối với chuyên ngành giám định tương ứng.

Người đã có ít nhất 15 năm liên tục làm công tác giải thích, hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật, xây dựng quy chế, trực tiếp thực hiện hoặc xét duyệt kết quả thẩm định (xét nghiệm) nội dung đơn đăng ký sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích), đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hoá) tại các cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia hoặc quốc tế thì được miễn kiểm tra môn chuyên ngành giám định tương ứng.

2. Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là “Hội đồng kiểm tra”) trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra là Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ; thành viên của Hội đồng kiểm tra bao gồm những người có kinh nghiệm và uy tín về chuyên môn trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

b) Hội đồng kiểm tra có nhiệm vụ xây dựng ngân hàng đề bài kiểm tra (gồm cả đáp án và thang điểm), tổ chức các kỳ kiểm tra và đánh giá kết quả kiểm tra theo quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Mục II của Thông tư này.

c) Hội đồng kiểm tra được sử dụng con dấu của Cục Sở hữu trí tuệ để phục vụ công tác kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp.

d) Cục Sở hữu trí tuệ là cơ quan giúp việc của Hội đồng kiểm tra, có nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 5 Mục II của Thông tư này và các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra.

3. Tổ chức kiểm tra

a) Cục Sở hữu trí tuệ thông báo trên trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ và trên một báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp về việc tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ điều kiện tham dự kiểm tra, thủ tục nộp hồ sơ, nội dung kiểm tra, thời gian, địa điểm kiểm tra.

b) Kỳ kiểm tra phải được tổ chức trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày có ít nhất 05 người đăng ký dự kiểm tra có hồ sơ đăng ký được chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 5 Mục II của Thông tư này.

c) Đề bài kiểm tra do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng đề bài kiểm tra quy định tại điểm b khoản 2 Mục II của Thông tư này.

4. Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra

Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp, làm theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

b) Bản sao (có chứng thực) bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học;

c) Giấy xác nhận quá trình công tác, nếu người đăng ký dự kiểm tra có yêu cầu được miễn môn kiểm tra nêu tại điểm b và điểm c khoản 1 Mục II của Thông tư này (do cơ quan, tổ chức nơi người đó đã công tác cấp);

d) 02 ảnh cỡ 3x4 cm;

đ) Chứng từ nộp phí, lệ phí.

5. Thẩm quyền, thủ tục xem xét hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra

Cục Sở hữu trí tuệ là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

a) Trường hợp hồ sơ có đủ các tài liệu quy định tại khoản 4 Mục II của Thông tư này và người đăng ký đáp ứng đủ điều kiện tham dự kiểm tra, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ kế hoạch kiểm tra đã được ấn định hoặc chưa được ấn định vì chưa đủ số người đăng ký tham dự kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 3 Mục II của Thông tư này.

b) Trường hợp hồ sơ có thiếu sót hoặc người đăng ký không đáp ứng đủ điều kiện tham dự kiểm tra, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 1 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đăng ký sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người đăng ký không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo chính thức từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

6. Đánh giá kết quả kiểm tra

a) Bài kiểm tra do Hội đồng kiểm tra chấm điểm theo đáp án và thang điểm của đề bài. Kết quả kiểm tra do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra phê duyệt.

b) Người đạt điểm kiểm tra từ trung bình trở lên hoặc được miễn kiểm tra đối với môn kiểm tra nào thì được coi là đạt yêu cầu đối với môn kiểm tra đó.

c) Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày tổ chức kiểm tra, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra cho người tham dự kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiệp vụ làm giám định viên sở hữu công nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này cho những người đạt yêu cầu đối với tất cả các môn kiểm tra, trong đó ghi rõ chuyên ngành giám định tương ứng với môn kiểm tra và ấn định thời hạn giá trị của Giấy chứng nhận (làm tài liệu nộp hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên) là 1 năm kể từ ngày cấp.

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, người tham dự kiểm tra có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra bài kiểm tra và

phải nộp phí phúc tra theo quy định. Việc chấm phúc tra được thực hiện theo nguyên tắc chấm bài kiểm tra.

III. THẨM QUYỀN, THỦ TỤC CẤP, THU HỒI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên, lập và công bố Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp

Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên, lập và công bố Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp theo thủ tục quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Mục III của Thông tư này.

Cục Sở hữu trí tuệ là cơ quan tiếp nhận và xem xét hồ sơ yêu cầu cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Mục III của Thông tư này.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên

Hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên, làm theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này;

b) Bản gốc hoặc bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiệp vụ làm giám định viên sở hữu công nghiệp do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra cấp theo quy định tại điểm c khoản 6 Mục II của Thông tư này;

c) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân;

d) 02 ảnh cỡ 3x4 cm;

đ) Chứng từ nộp phí, lệ phí.

3. Thủ tục cấp Thẻ giám định viên

Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

a) Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định tại khoản 2 Mục III của Thông tư này và người nộp hồ sơ đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Mục I của Thông tư này, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ.

b) Trường hợp hồ sơ có thiếu sót hoặc người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Mục I của Thông tư này, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 1 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Cục trưởng

Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

c) Thẻ giám định viên được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này.

4. Cấp lại Thẻ giám định viên

a) Theo yêu cầu của giám định viên, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp lại Thẻ giám định viên trong trường hợp Thẻ giám định viên bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) đến mức không sử dụng được; hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Thẻ giám định viên theo quy định tại điểm a khoản 3 Mục III của Thông tư này.

b) Giám định viên có nghĩa vụ yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp lại Thẻ giám định viên để ghi nhận lại các thay đổi nêu tại điểm a trên đây.

c) Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Mục III của Thông tư này cũng được áp dụng đối với thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên; riêng thời hạn Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ là 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ.

d) Trong trường hợp Thẻ giám định viên bị lỗi do Cục Sở hữu trí tuệ gây ra, Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm cấp lại Thẻ miễn phí trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ.

5. Thu hồi Thẻ giám định viên

Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên trong các trường hợp sau đây:

a) Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;

b) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 44 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP và khoản 2 Mục I của Thông tư này;

c) Người được cấp Thẻ giám định viên bị cơ quan có thẩm quyền tước quyền sử dụng Thẻ giám định viên không thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 106/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp;

d) Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định.

6. Lập và công bố Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp, thông báo thay đổi thông tin liên quan đến Thẻ giám định viên

a) Cục Sở hữu trí tuệ lập Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp, ghi nhận, xoá tên giám định viên trong Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp theo các quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên, ghi nhận hình thức hoạt động của giám định viên phù hợp với Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp quy định tại điểm 6 Mục IV của Thông tư này. Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp được công bố trên Công báo sở hữu

công nghiệp và trên trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ cùng Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp nêu trên.

b) Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ thông tin về các thay đổi liên quan đến Thẻ giám định viên của những giám định viên hoạt động cho tổ chức giám định sở hữu công nghiệp của địa phương tương ứng để phục vụ công tác cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định tại địa phương.

IV. THẨM QUYỀN, THỦ TỤC CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định, lập và công bố Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

a) Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định, lập và công bố Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo thủ tục quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Mục IV của Thông tư này cho các tổ chức đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định theo thủ tục quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Mục IV của Thông tư này cho các tổ chức đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ tại Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận và xem xét hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định theo thẩm quyền tương ứng quy định tại điểm a và điểm b trên đây.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định

Hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, làm theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này;

b) Bản sao (có chứng thực) Giấy đăng ký hoạt động khoa học công nghệ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 42 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP;

c) Bản sao (có chứng thực) quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức;

d) Chứng từ nộp phí, lệ phí.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định

Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

a) Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định tại khoản 2 Mục IV của Thông tư này và tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Mục I của Thông tư này, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra

quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức và chuyên ngành giám định của tổ chức tương ứng với chuyên ngành giám định của các giám định viên thuộc tổ chức, Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp là thành viên của tổ chức.

b) Trường hợp hồ sơ có thiếu sót hoặc tổ chức không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Mục I của Thông tư này, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 1 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

c) Giấy chứng nhận tổ chức giám định được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định

a) Theo yêu cầu của tổ chức giám định, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) đến mức không sử dụng được; hoặc có sự thay đổi liên quan đến các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Mục IV của Thông tư này.

b) Tổ chức giám định có nghĩa vụ làm thủ tục yêu cầu cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định cấp lại Giấy chứng nhận để ghi nhận lại các thay đổi nêu tại điểm a khoản này.

c) Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Mục IV của Thông tư này cũng được áp dụng đối với thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định; riêng thời hạn Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ là 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ.

d) Trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị lỗi do Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp Giấy chứng nhận gây ra, thì cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận miễn phí trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định

Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định trong các trường hợp sau đây:

a) Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận được cấp trái với quy định của pháp luật;

b) Tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Mục I của Thông tư này;

c) Tổ chức chấm dứt hoạt động giám định.

6. Lập và công bố Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, thông báo thay đổi liên quan đến Giấy chứng nhận tổ chức giám định

a) Cục Sở hữu trí tuệ lập Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, ghi nhận, xoá tên tổ chức giám định trong Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp, trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho Cục Sở hữu trí tuệ mọi thông tin về việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định để phục vụ việc lập Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp nêu tại điểm a khoản này.

V. THI HÀNH

1. Khiếu nại, tố cáo

Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại; việc tố cáo, giải quyết tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc thực hiện thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên, Giấy chứng nhận tổ chức giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Phí, lệ phí

Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí kiểm tra nghiệp vụ giám định, thẩm định hồ sơ, cấp, cấp lại Thẻ giám định viên và Giấy chứng nhận tổ chức giám định quy định tại Thông tư này được tạm thời áp dụng theo quy định tương ứng đối với dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp tại Thông tư số 132/2004/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp cho đến khi có quy định khác.

3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, giải quyết.

Nơi nhận:

- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Các Bộ: Công Thương; Tài chính; Công an; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Sở Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Quân

- Công báo, website Chính phủ;
- Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, SHTT.